

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

----- ๑๓ -----

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:

Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo:

Đại học

Mã ngành:

7340101

THANH HÓA, NĂM 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHD ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành ĐH QTKD, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoàng Bá Huyền

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản trị Kinh doanh.

Trình độ: Đại học

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành cử nhân QTKD được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2002 được vận hành theo hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế nhằm đào tạo cử nhân QTKD có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành những nhà quản trị trong tổ chức.

Cùng với sự phát triển của giáo dục đại học, từ năm 2008 chương trình được điều chỉnh, bổ sung và thực hiện theo hình thức tín chỉ, lấy người học làm trung tâm, tăng thời gian thực hành thực tập. Năm 2016 chương trình được điều chỉnh làm mới đáp ứng yêu cầu quy định về khung chương trình đào tạo của bộ nhằm nâng cao năng lực người học đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng. Từ năm 2017 chương trình đào tạo tiếp tục được điều chỉnh theo hướng chuẩn năng lực đầu ra với 3 mục tiêu chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo QTKD được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội và sự kế thừa, vận dụng chương trình đào tạo QTKD của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương Mại, đại học Quốc Gia Hà Nội cũng như các chương trình đào tạo cử nhân QTKD của các trường đại học trên thế giới như Hàn quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Vương quốc Anh, Mỹ. Chương trình đào tạo năm 2020, 2021 tiếp tục được điều chỉnh bổ sung trên cơ sở phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu công việc trong điều kiện thị trường không ngừng phát triển, chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh 2021 có nhiều cải tiến về nội dung hình thức dạy học kiểm tra đánh giá và đặc biệt bổ sung thêm nhiều học phần mới đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển trong thời đại công nghiệp 4.0, thời đại kinh tế số.

Chương trình đào tạo ngành Đại học Quản trị kinh doanh gồm 124 tín chỉ phân bổ cho 50 học phần, trong đó có 36 học phần bắt buộc (98 tín chỉ) và 14 học phần tự chọn (26 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ. Kỳ 1: gồm 06 học phần (16 tín chỉ); kỳ 2: gồm 07 học phần (18 tín chỉ); kỳ 3: gồm 07 học phần (17 tín chỉ); kỳ 4: gồm 07 học phần (16 tín chỉ); kỳ 5: gồm 07 học phần (17 tín chỉ); kỳ 6: gồm 07 học phần (16 tín chỉ); kỳ 7: gồm 06 học phần (13 tín chỉ); kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế/KLTN và thực tập tốt nghiệp (11 tín chỉ). Các học phần được phân bổ hợp lý cho từng nhóm, khối kiến

thức:

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 06 học phần (13 tín chỉ);
- Khối kiến thức khoa học xã hội gồm 04 học phần (08 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức Toán -Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường gồm 04 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 07 học phần (18 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành gồm 19 học phần (45 tín chỉ);
- Kiến thức bổ trợ tự do gồm 04 học phần (09 tín chỉ);
- Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp (11 tín chỉ);

Để đảm mục tiêu và chất lượng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ngành Quản trị kinh doanh đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cơ sở vật chất, hệ thống tài liệu giáo trình, hệ thống kết nối doanh nghiệp và đơn vị tuyển dụng. Cụ thể, hiện nay ngành QTKD đang có 5 tiến sĩ và 8 thạc sĩ chuyên ngành QTKD có kinh nghiệm giảng dạy trên 5 đến 25 năm, có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết trong công việc, được đào tạo bài bản tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước như Trường Đại học Kinh tế quốc Dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Thương Mại, Đại học Hoàng Gia Thái Lan, Đại học Tổng hợp Southern Luzon (Philippine), Đại học Victoria (New Zealand), Greenwick (Anh), ... Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, âm thanh, ánh sáng và quạt điện; Hệ thống phòng thực hành tin học, kế toán, ngân hàng ảo, siêu thị tổng hợp được đưa vào ứng dụng giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên. Ngoài ra Ngành QTKD đã ký kết hợp tác chiến lược trong đào tạo thực tế với 22 doanh nghiệp trong tỉnh và có mối quan hệ trao đổi, đào tạo với gần 100 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đây sẽ là những tiền đề, điều kiện tốt để sinh viên ngành QTKD được học tập, trải nghiệm và đạt được các chuẩn năng lực đầu ra như mục tiêu đã xây dựng, đáp ứng yêu cầu của đơn vị tuyển dụng và xã hội.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Business Administration
Mã ngành đào tạo:	7340101
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân

Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp TCCN, CĐ, ĐH.
Thang điểm đánh giá:	Hệ 10 thi kiểm tra và hệ 4 (tích lũy)
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (124 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4,0); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất; - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Vị trí việc làm	<p>Sau khi hoàn thành CTĐT ngành QTKD, sinh viên có thể làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác ở những vị trí làm việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, chuyên viên, quản trị viên ứng với các vị trí công việc tại phòng hành chính, nhân sự, bán hàng, marketing, tài chính, bảo hiểm, sản xuất, kinh doanh, quan hệ khách hàng, quản trị thông tin, thương hiệu, kênh phân phối ...Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó phòng, ban, bộ phận, dự án, ... - Quản lý hoặc trợ lý giám đốc trong các tổ chức, doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn, siêu thị, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí. - Chuyên viên phân tích và tư vấn các vấn đề về thị trường và quản trị doanh nghiệp, nhân viên tác nghiệp trong các tổ chức kinh tế; giám sát viên cho các nhãn hàng hoặc giám sát khu vực cho các công ty. - Tự khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp với vai trò giám đốc hoặc nhà đầu tư kinh doanh. - Nguyên cứu viên, giảng viên tại các trường đại học,

	cao đẳng, trung cấp, các viện và trung tâm nghiên cứu.
Học tập nâng cao trình độ	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT ngành QTKD	Ngày 20 tháng 8 năm 2021

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và sức khoẻ tốt; Có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn; Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức chuyên môn sâu rộng về quản trị tổ chức, doanh nghiệp và quản trị hoạt động kinh doanh; Có đầy đủ kỹ năng về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động trong quản trị kinh doanh; Có khả năng tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác đáp ứng tốt các vị trí công việc như chuyên viên, quản trị viên, chuyên gia trong các tổ chức, doanh nghiệp hoặc tự khởi nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đất nước.

3.2 Mục tiêu cụ thể

PO1: Cử nhân QTKD có phẩm chất bản lĩnh chính trị và ý thức công dân tốt, có tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước từ đó hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng từ đó tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Cử nhân QTKD có đầy đủ năng lực chuyên môn về quản trị và quản trị kinh doanh từ đó vận dụng thành thạo trong phân tích, đánh giá và quản trị được các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước với vai trò là chuyên viên, quản trị viên.

PO3: Cử nhân QTKD có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, kế toán từ đó vận dụng thành thạo trong đánh giá, tổng hợp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị kinh doanh.

PO4: Cử nhân QTKD có đầy đủ kỹ năng mềm, thành thạo kỹ năng về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đáp ứng yêu cầu quản trị, kinh doanh.

PO5: Cử nhân QTKD có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ để khởi sự kinh doanh.

PO6: Cử nhân QTKD thành thạo nghe nói đọc viết Tiếng Anh trong giao tiếp kinh doanh và thành thạo kỹ năng tin học ứng dụng vào trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

PO7: Cử nhân QTKD có kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội, về tâm lý và văn hoá kinh doanh, có khả năng học tập và phát triển trình độ ở bậc cao hơn phục vụ nhu cầu công việc.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

PLO1: Phân tích, đánh giá và vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, rèn luyện và công tác quản trị kinh doanh.

PLO2: Áp dụng được kiến thức về quản trị vào phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản trị điều hành tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

PLO3: Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản trị như quản trị chiến lược, quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị marketing, quản trị bán hàng, quản trị chuỗi cung ứng và quản trị chất lượng vào phân tích, đánh giá, tổng hợp các vấn đề thực tiễn quản trị điều hành tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

PLO4: Áp dụng được kiến thức kinh tế, marketing, marketing kỹ thuật số, thương mại điện tử, quản trị cung ứng, logistic, kinh doanh quốc tế vào trong quá trình thực hiện công việc quản trị kinh doanh.

PLO5: Hoạch định được mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, phối hợp tổ chức các nguồn lực và kiểm soát được các hoạt động quá trình quản trị kinh doanh.

PLO6: Phân tích được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu để xác định cơ hội và thách thức đối với hoạt động của doanh nghiệp.

PLO7: Có khả năng phân tích cơ hội, hình thành và phác thảo được ý tưởng, kế hoạch, chiến lược hình thành tư duy khởi nghiệp và tự khởi nghiệp.

PLO8: Phân tích được các nội dung cơ bản về tài chính, kế toán, thuế, đầu tư phục vụ cho quá trình điều hành doanh nghiệp, tổ chức.

PLO9: Áp dụng được kiến thức về tự nhiên, khoa học xã hội, văn hoá, địa lý, tâm lý, pháp luật kinh doanh, vào quá trình học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quản lý.

PLO10: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể có khả năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong quản trị kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

PLO11: Đạt chuẩn năng lực tin học theo quy định hiện hành, cụ thể thành thạo word, excel trong soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ công tác quản trị; thành thạo trong truy cập và sử dụng các ứng dụng internet để khai thác, tìm kiếm, tổng hợp thông tin quản trị kinh doanh; sử dụng được các phần mềm quản trị cơ bản, phần mềm thống kê, kế toán phục vụ quá trình quản trị kinh doanh và sẵn sàng tiếp cận hoạt động chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp.

PLO12: Có năng lực soạn thảo, trình bày được các nội dung giao tiếp, đàm phán trong quản trị kinh doanh và thiết lập các mối quan hệ với đối tác khách hàng.

PLO13: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực xây dựng, vận hành và quản trị nhóm làm việc hiệu quả để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

PLO14: Có khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện để tìm kiếm ý tưởng kinh doanh, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quá trình quản trị điều hành.

PLO15: Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng.

PLO16: Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

PLO17: Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu và học tập suốt đời nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn phù hợp nhiệm vụ công việc.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

- Tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp TCCN, CĐ, ĐH.
- Phương thức tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định hiện hành (**được cụ thể hóa trong đề án tuyển sinh hàng năm**):

Cụ thể năm 2021:

- + Sử dụng kết quả kỳ thi THPT năm 2021
- + Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia (3 năm gần nhất)
- + Sử dụng kết quả học tập THPT
- + Tuyển thẳng theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; xét tuyển thẳng thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh

+ Xét tuyển thí sinh có điểm thi IELTS đạt 5.0 (có thời hạn trong vòng 24 tháng kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký).

- Về tổ hợp xét tuyển: 4 tổ hợp, bao gồm: A00 (Toán - Lý - Hóa); C04 (Văn - Toán - Địa); C14 (Văn - Toán - GD công dân); D01 (Văn - Toán - Anh).

Ghi chú: *Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành QTKD sẽ được quy định chi tiết trong đề án tuyển sinh hàng năm./.*

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

MỤC TIÊU	CHUẨN ĐẦU RA																
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
PO1	5														3	2	
PO2		5	5	4	4	5		3				4	4			3	
PO3				3				4									
PO4					4							4	4	4			3
PO5		4	4		4	3	6	3				3	3	3	3	3	
PO6										3	4						
PO7									3						3	2	3

Ghi chú:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.
- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Giảng viên chuẩn bị bài giảng, nắm vững nội dung giảng dạy chuẩn bị hồ sơ lên lớp gồm đề cương, giáo trình, danh sách theo dõi quá trình học tập của sinh viên đầy đủ theo yêu cầu của từng học phần (được ghi trong đề cương chi tiết). Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Giảng viên chủ động đầu mối với các bộ phận có liên quan để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy tích cực, tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (TLM1) (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não (A2), đặt và giải quyết vấn đề (TLM3), hoạt động nhóm (TLM4), dự án (TLM5), mô phỏng, nghiên cứu tình huống (TLM6) (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp lớp học đảo ngược (TLM7), thực hành (TLM8), nhập vai (TLM9) thăm quan thực tế doanh nghiệp (TLM10),... (áp dụng cho các tiết học thực hành, thực tế)

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của sinh viên và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh (AM1), kiểm tra miệng (AM2), bài tập nhóm (AM3), bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm (AM4).

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn (AM5).

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết (AM6), vấn đáp, làm bài tập lớn (AM5).

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
Khối kiến thức giáo dục đại cương	41 tín chỉ	33%
Học phần bắt buộc	37 tín chỉ	90,2%
Học phần tự chọn	04 tín chỉ	9,8%
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83 tín chỉ	67%
Học phần bắt buộc	61 tín chỉ	75%
Học phần tự chọn	20 tín chỉ	25%
Trong đó:		
Kiến thức cơ sở khối ngành	18 tín chỉ	14,5%
Học phần bắt buộc	18 tín chỉ	100%
Học phần tự chọn	0 tín chỉ	0%
Kiến thức chung của ngành	24 tín chỉ	19,3%
Học phần bắt buộc	16 tín chỉ	67%
Học phần tự chọn	8 tín chỉ	33%
Kiến thức chuyên sâu của ngành	21 tín chỉ	17%
Học phần bắt buộc	13 tín chỉ	62%
Học phần tự chọn	8 tín chỉ	38%
Khối kiến thức bổ trợ tự do	9 tín chỉ	7,2%
Học phần bắt buộc	3 tín chỉ	33%
Học phần tự chọn	6 tín chỉ	67%
Thực tập, khóa luận tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	11 tín chỉ	9%
Tổng	124 tín chỉ	100%

2. Danh sách và mô tả các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A	Kiến thức giáo dục đại cương (41 TC)			
I	Lý luận chính trị (13TC)			
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Bộ GD & ĐT (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục & ĐT (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, NXB CTQG.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (2005), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB CTQG</p> <p>2. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i> NXB CTQG.</p>
2	196060	Kinh tế	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần bao gồm 6 chương,</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p>

		<p>chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)</p>	<p>trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p>1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ GD & ĐT (2004), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001), NXB CTQG</p>
3	196065	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được năng lực hiểu biết thực</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Bộ GD & ĐT (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Bộ GD & ĐT (2015), <i>Giáo trình</i></p>

			<p>tiến và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p><i>những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG.</i></p> <p>2. Bộ GD & ĐT (2008), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ, NXBCTQG.</i></p>
4	198030	<p>Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, NXB CTQGST.</p> <p>2. Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, NXB CTQG.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I, II, III</i>, NXB CTQG.</p> <p>2. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>

5	197035	<p>Tư tưởng HCM (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. NXB Chính trị quốc gia sự thật</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></p> <p>2. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập). NXB CTQGST, Hà Nội</p> <p>3. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội</p> <p>4. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. NXB Chính trị quốc gia.</p>
6	197030	<p>Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động (Quyển 1)</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, NXB Chính trị Quốc gia (Quyển 1)</p> <p>2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và</i></p>

			<i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.	<i>Pháp luật</i> , NXB Công an nhân dân (Quyển 2)
II Khoa học xã hội (8TC)				
7	156012	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi nghiên cứu xong môn học là sinh viên có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học theo các hình thức khác nhau trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Trần Tiến Khai (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế</i>, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p>2. Vũ Cao Đàm (2019), <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p>
8	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p>

		(2 tín chỉ)	<p>Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trần Quốc Vương (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB Giáo dục Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB Văn hóa thông tin Phan Kế Bính (1999), <i>Việt Nam phong tục</i>, NXB Văn học
9	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
a	123340	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, NXB GDHN <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13 Mai Đình Yên (chủ biên) (1997), <i>Môi trường và con người</i>, NXB GD, Hà Nội.

b	196025	Logic học đại cương (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung chương trình môn học được chia thành 5 chương trình bày các hình thức logic và các quy luật cơ bản của tư duy. Phần thứ nhất giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của logic hình thức, các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ, trong đó giới thiệu cấu trúc, hình thức, phương pháp, các loại và đặc biệt là các quy tắc logic cho các loại suy luận giúp cho người học nâng cao năng lực tư duy và rút ra những tri thức chân xác.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Hình thành và phát triển các năng lực: Năng lực tư duy logic khoa học; Năng lực tư duy phản biện, sáng tạo; Năng lực nghiên cứu khoa học</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Vương Tất Đạt (2000), <i>Logic học đại cương</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. PTS. Lưu Hà Vĩ (1996), <i>Logic hình thức</i>, NXB CTQG</p> <p>2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1 (2007), <i>Giáo trình Lôgic học</i> (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị Quốc gia.</p>
c	281022	Tâm lý học trong quản lý kinh	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và quản lý con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học kinh doanh</i>, NXB Thống kê.</p>

		doanh (2 tín chỉ)	<i>Năng lực đạt được:</i> nhận diện đặc điểm tâm lý cơ bản của các đối tượng khách hàng, người bán hàng, người lãnh đạo trong QLKD; Giao tiếp trong hoạt động QLKD có hiệu quả cũng như xây dựng được một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại hiệu quả dựa trên việc ứng dụng phù hợp tâm lý người tiêu dùng	Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Hữu Thụ (2009), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i> , NXB ĐHQG HN. 2. Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i> , NXB Thống kê. 3. Nguyễn Quang Uẩn (2002), <i>Tâm lý học đại cương</i> , NXB ĐHQG Hà Nội.
10	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam (2 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần:</i> Học phần địa lý kinh tế Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau: Đặc điểm lãnh thổ, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên Việt Nam; Đặc điểm dân cư, lao động và các vấn đề của xã hội Việt nam như: Đô thị hóa, việc làm, chất lượng cuộc sống...; Đặc điểm phát triển kinh tế ở các vùng lãnh thổ Việt Nam, gồm: 7 vùng kinh tế tự nhiên và 04 vùng kinh tế trọng điểm. <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế Việt Nam; so sánh các mối liên hệ phát triển kinh tế của các vùng kinh tế với nhau; xử lý, phân tích số liệu thống kê và khai thác thông tin địa lý kinh tế VN từ bản đồ.	Giáo trình chính 1. Lê Thông (2011), <i>Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i> , NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. Tài liệu tham khảo 1. Đỗ Thị Minh Đức (Chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam, Tập 2</i> , NXB Đại học sư phạm. 2. Nguyễn Thị Vang (2005), <i>Địa lý kinh tế Việt Nam</i> , NXB Nông nghiệp, Hà Nội 3. Trần Văn Thông (2001), <i>Địa lý kinh tế Việt Nam</i> , NXB Thống kê 4. Trần Duy Liên (2009), <i>Giáo trình Địa lý kinh tế Việt Nam</i> , Trường ĐH Đà Lạt. 5. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2006), <i>Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội</i>

				Việt Nam, NXB Giáo dục.
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền KT thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra bài học phát triển KT cho Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác. Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, TS. Trần Khánh Hưng (2013), <i>Giáo trình Lịch sử KT</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2008), <i>Giáo trình lịch sử kinh tế</i>, NXB ĐH KTQD.</p>
c	196030	Lịch sử các học thuyết kinh tế (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> gồm 6 chương. Chương mở đầu cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. Các chương còn lại cung cấp hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác-Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi kết thúc học phần, người học nắm</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. PGS, TS Trần Bình Trọng (2008), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>2. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - khoa Kinh tế chính trị (2000), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), <i>Văn</i></p>

			<p>được những quan điểm cơ bản trong các học thuyết kinh tế, từ đó đánh giá được những đóng góp có giá trị khoa học và những hạn chế mang tính lịch sử của các học thuyết đó. Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường. Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.</p>	<p><i>kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội.</p> <p>2. Các lý thuyết kinh tế học phương tây hiện đại, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội,</p>
III	Ngoại ngữ (10TC)			
11	133031	Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phân:</i> Học phân gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012), <i>English File–Elementary 3rd edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>2. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>. Cambridge University Press.</p>

			<p>các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, ... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh</p>	
12	133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File Pre-Intermediate 3rd edition</i>. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test</i> 3. Cambridge University Press</p>

			<p>ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3rd Edition. Oxford University Press.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, ... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh</p>	<p>2. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test 4</i>. Cambridge University Press</p>
13	133033	Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe,</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File–Pre-intermediate 3rd edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target</i></p>

			<p>nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition. Oxford University Press và Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p>	<p>PET. Richmond Publishing.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i>, Cambridge University Press 2. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i>, Cambridge University Press
IV	Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên (10TC)			
14	114025	Toán cao cấp (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu khái quát về lý thuyết tập hợp, hệ thống số thực và số phức, quan hệ và suy luận logic; Các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân của hàm số.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong học phần, sinh viên biết vận dụng các kiến thức toán học vào giải quyết một số bài toán chuyên ngành.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), <i>Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB GD. 2. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), <i>Bài tập Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục. <p>Tài liệu tham khảo:</p>

				<p>1. Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004), <i>Đại số tuyến tính</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Nguyễn Tiến Quang - Lê Đình Nam (2014), <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
15	114005	Xác suất thống kê toán học (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học, mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, ...)</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> có kiến thức cơ bản về xác suất, có khả năng xử lý số liệu thống kê để có những kết luận đúng đắn và từ đó đưa ra các quyết định với độ tin cậy cao; có khả năng vận dụng tốt kiến thức xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề chuyên ngành như: giáo dục, kinh tế, kỹ thuật.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Đào Hữu Hồ (2001), <i>Xác suất và Thống kê</i>, Đại học Quốc gia HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), <i>Xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p> <p>2. Tống Đình Quý (2000), <i>Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p>
16	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang (2015), <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB</p>

			<p>điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p>TT&TT.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng (2010), <i>Tin học căn bản</i>, NXB KH&KT. 2. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, NXB ĐH QTKD
17	151090	<p>Lý thuyết mô hình toán kinh tế (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. PGS.TS Hoàng Đình Tuấn (2015), <i>Lý thuyết mô hình toán kinh tế</i>, NXB ĐHKQTĐ. <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Đình Thúc, <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i>, ĐHKQTĐ phần 1 năm 2008, Phần 2 năm 2007. 2. Nguyễn Quang Đông, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn (2006), <i>Mô hình toán kinh tế</i>, NXB Thống kê. 3. Hoàng Đình Tuấn (2007), <i>Mô hình toán kinh tế</i>, NXB ĐHKQTĐ

			thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.	
V	Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)			
1	191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu. Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác. Kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa. Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Đại Dương (CB) (2006), <i>Giáo trình Điền Kinh</i>, NXB, TĐTT. 2. Ủy ban TĐTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, NXB TĐTT. <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT. 2. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB ĐH Sư phạm.
2	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)			
a	191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP Hà Nội. 2. Ủy ban TĐTT (2003), <i>Luật bóng</i>

			<p>bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.</p>	<p><i>chuyên</i>, NXB TĐTT, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Quang (2001), <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> NXB TĐTT, Hà Nội. 2. Ủy ban TĐTT (1998), <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>, NXB TĐTT Hà Nội.
b	191032	<p>Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu. Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đinh Khánh Thu (2014), <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Thanh Mai (2011), <i>Giáo trình Khiêu vũ thể thao</i>, NXB TĐTT 2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT
c	191033	<p>Bóng đá (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người),</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Đức Dũng (2007), <i>Giáo trình</i>

			<p>nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá. Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu; Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản; Hiểu được một số điểm của luật</p>	<p>bóng đá, NXB TDTT Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban TDTT (2014), <i>Luật Bóng đá sân 11 người</i>, NXB TDTT. 2. Ủy ban TDTT (2001), <i>Luật Bóng đá sân 7 người</i>, NXB TDTT. 3. Ủy ban TDTT (2011), <i>Luật Bóng đá sân 5 người</i>, NXB TDTT.
d	191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tu thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB ĐHSP. <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, TDTT. 2. Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TDTT. 3. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐHTH Thái Nguyên.
e	191035	Vovinam	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những nội dung, kiến</p>	<p>Giáo trình chính</p>

		<p>- Việt võ đạo (2 tín chỉ)</p>	<p>thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chân thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, trảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tu thể chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; trảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).</p>	<p>1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự (2008), <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> tập 1, NXB TDDT</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Chánh Tứ (2014). <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>, NXB TDDT</p> <p>2. Nguyễn Chánh Tứ (2014), <i>Nhu khí công quyền 2 - Vovinam</i>, NXB TDDT.</p>
VI		Giáo dục quốc phòng (11 tín chỉ)		
a		<p>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, NXB Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>, Văn phòng Trung ương Đảng.</p>

		<p>ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng. Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
b	Công tác quốc phòng và an ninh (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2012), <i>Giáo</i></p>

		<p>giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>Năng lực đạt được: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay; Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng. Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p><i>trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017 và 2020. <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>, 2017, 2020. 2. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, NXB Giáo dục.
c	<p>Quân sự chung (2 tín chỉ)</p>	<p>Nội dung học phần: Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. BGD&ĐT (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2</i>. NXB Giáo dục Việt Nam. <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. BGD&ĐT, <i>Vụ giáo dục quốc phòng</i>.

		<p>Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này. Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam. Thuần thục cách sử dụng bản đồ. Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.</p>	<p><i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).</p> <p>2. Bộ quốc phòng (2015), <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p> <p>3. Bộ quốc phòng (2015), <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p>
d	<p>Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phân:</i> Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định. Có khả năng vận dụng linh hoạt</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. BGD&ĐT (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, (2012), <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam</p>

			vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra. Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn. Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công. Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự. Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 TC)			
I	Kiến thức cơ sở khối ngành (18 TC)			
18	151050	Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2017), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài Chính</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), <i>Giáo trình kinh tế học tập 1</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn (2020), <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p>3. Nguyễn Văn Dân (2009), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Tài Chính</p>
19	151061	Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Văn Dân, Đỗ Thị Thục (2018), <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô I</i>, NXB</p>

			<p>tổ quyết định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô: lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được để tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Từ đó phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của nền kinh tế và đưa ra quyết định đầu tư hiệu quả</p>	<p>Tài Chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017), <i>Giáo trình kinh tế học tập 2</i>, NXB ĐHKQTĐ. 2. Nguyễn Văn Ngọc, Hoàng Yến (2009), <i>Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô</i>, NXB ĐHKQTĐ
20	152048	Nguyên lý thống kê (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà các sinh viên cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội. Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2016), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Thị Kim Thu (2014), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ 2. PGS.TS Trần Thị Kim Thúy (2009) <i>Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ</i>, NXB Thống Kê

			<p>tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.</p>	
21	153105	<p>Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán; vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp; Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. GS, TS. Đoàn Xuân Tiên, TS Lê Văn Liên, Ths. Nguyễn Thị Hồng Vân (2009), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB tài chính</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính</p> <p>2. Võ Văn Nhị (2018), <i>Hệ thống bài tập trắc nghiệm Nguyên lý kế toán</i>, NXB Tài chính</p>
22	152140	<p>Tài chính tiền tệ (3 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. GS.TS Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Thống kê.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. GS. Nguyễn Hữu Tài (2007), <i>Giáo</i></p>

			<p>trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học hình thành các kỹ năng như: phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp; phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính</p>	<p><i>trình lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p>2. PGS.TS. Phạm Ngọc Dũng; PGS.TS. Đinh Xuân Hạnh (2014), <i>Giáo trình tài chính tiền tệ</i>; NXB Tài chính</p> <p>3. Ngô Việt Hương- chủ biên (2016), <i>Tài chính với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp</i>, NXB Thanh Hóa</p>
23	254026	Marketing căn bản (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. GS.TS Trần Minh Đạo (Chủ biên) (2013), <i>Giáo trình Marketing căn bản</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Văn Hùng (2013), <i>Marketing căn bản</i>, NXB KT TPHCM</p> <p>2. Philip Kotler (2007), <i>Marketing căn bản</i>, NXB LĐXH</p> <p>3. Lê Quang Hiếu (2016), <i>Quan hệ công chúng</i>, NXB Hồng Đức</p> <p>4. Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức</p> <p>http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>

24	197010	Luật kinh tế (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững kiến thức pháp luật về lĩnh vực Luật kinh tế, có khả năng liên hệ với thực tiễn để có thể vận dụng các kiến thức pháp luật kinh tế của mình để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. TS Nguyễn Việt Tý (2018), <i>Giáo trình Luật thương mại tập 1</i>, NXB Công an nhân dân.</p> <p>2. TS Nguyễn Việt Tý (2018), <i>Giáo trình Luật thương mại tập 2</i>, NXB Công an nhân dân</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. TS Nguyễn Hợp Toàn (2015), <i>Giáo trình Luật kinh tế</i>, NXB Thống kê.</p>
II Kiến thức ngành chính (43 TC)				
<i>Kiến thức chung của ngành chính (22TC)</i>				
25	154081	Quản trị doanh nghiệp 1 (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Cung cấp các kiến thức tổng quát về quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp; thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. PGS. TS Ngô Kim Thanh (2013), <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Ngọc Huyền (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh (tập 1)</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>

			doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa	2. TS. Lê Quang Hiếu, TS. Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên), <i>Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp</i> ; NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/
26	154015	Khởi sự kinh doanh (2 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần:</i> Sinh viên hiểu được các kiến thức về kinh tế xã hội, các xu hướng phát triển mới trong kinh doanh, các kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh, kỹ năng xây dựng kế hoạch, lập kế hoạch và kỹ năng triển khai các công việc cụ thể trong doanh nghiệp; Hiểu biết về môi trường kinh doanh và ngành nghề kinh doanh. <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được ưu, nhược điểm của mỗi ý tưởng kinh doanh mà mình có, có thể tự soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh chi tiết dựa trên ý tưởng của bản thân; đánh giá được ưu, nhược điểm của từng cách thức bắt đầu khởi sự và đưa ra lựa chọn cách thức khởi sự cho ý tưởng kinh doanh của mình	Giáo trình chính: 1. PGS. TS Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn Phi Vân (2015), <i>Nhượng quyền khởi nghiệp</i> , NXB Trẻ 2. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017), <i>Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i> , NXB Phụ nữ
27	152045	Quản trị tài chính doanh nghiệp 1	<i>Nội dung học phần:</i> Trang bị những kiến thức cơ bản và vận dụng vào công tác quản trị tài chính doanh nghiệp như: Khái niệm, vai trò và nội dung của tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn, tài sản trong doanh nghiệp; Chi phí, doanh thu và lợi	Giáo trình chính 1. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), <i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i> , NXB Tài chính

		(3 tín chỉ)	<p>nhuận của doanh nghiệp; Kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế vững chắc về tài chính doanh nghiệp; có khả năng vận dụng lý thuyết và thực hành các nghiệp vụ như xác định và quản trị vốn cố định, quản trị khoản phải thu, quản trị hàng tồn kho, xác định doanh thu chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp, kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp.</p>	<p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), <i>Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB KTQD</p> <p>2. Bùi Văn Vân (2009), <i>Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính</p>
28	151025	<p>Kinh tế lượng</p> <p>(2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy và cách khắc phục các khuyết tật của mô hình, bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt, phân tích kết quả mô hình đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành các phần mềm Eviews, SPSS trong quá trình phân tích hồi quy.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB KTQD.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Cao Văn (2018), <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Nguyễn Văn Dàn, Nguyễn Hồng Nhung (2017), <i>Giáo trình kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài chính.</p>
29	153085	<p>Kế toán tài chính</p>	<p><i>Mô tả học phần:</i> Học phần giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm,</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. GS.TS.NGND.Ngô Thế Chi, PGS.TS.</p>

		1 (4 tín chỉ)	<p>nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng vận dụng các nguyên tắc kế toán trong xử lý các tình huống kế toán trong doanh nghiệp, lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện hạch toán, vào sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết những nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp liên quan đến Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong các doanh nghiệp</p>	<p>Trương Thị Thủy (2013), <i>Giáo trình kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. TS. Lê Thị Hồng, TS. Lê Thị Minh Huệ, Th.S Lê Thị Diệp (2019), Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính, NXB Tài chính.</p> <p>2. GS.TS Đặng Thị Loan (2013), <i>Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>
30	154090	Quản trị học (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức cơ bản về quản trị: các khái niệm cơ bản của quản trị, nhà quản trị; Sự hình thành và phát triển của quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị. Đồng thời học phần đi sâu vào nghiên cứu nội dung của 4 chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học sinh viên có đủ năng</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. TS Đoàn Thị Thu Hà; TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2013), <i>Quản trị học</i>, NXB Đại học KTQĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. TS. Nguyễn Thanh Hội, TS Phan Thăng (2011), <i>Quản trị học</i>, NXB Hồng Đức</p>

			<p>lực thực hiện các công việc như: Tự xây dựng kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp; Điều hành, quản trị nhóm làm việc hiệu quả; Lập mục tiêu và kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Xây dựng cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp, tổ chức hợp lý; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu chuyên môn</p>	<p>2. TS Nguyễn Thị Liên Diệp, TS Trần Anh Minh (2012), <i>Quản trị học</i>, NXB VHVN</p>
31,32 Chọn 2 trong 3 học phần				
a	151065	Kinh tế đầu tư (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Đầu tư, đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng xác định một dự án cần những điều kiện gì, các lập một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, cách tính lãi suất đi vay cho dự án, thẩm định về mặt tài chính cho dự án. Đánh giá hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, đầu tư quốc tế và đầu tư công của địa phương và Việt Nam</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. PGS.TS Từ Quang Phương, GS.TS Phạm Văn Hùng chủ biên (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. TS Lê Hoàng Bá Huyền (chủ biên) (2019), <i>Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hoá</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
b	151041	Kinh tế thương	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về kinh tế thương mại: khái niệm và điều kiện lịch sử ra đời của thương mại, vai trò, chức</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân</p>

		<p>mại (2 tín chỉ)</p>	<p>năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung, và để quản lý ngành thương mại có hiệu quả nhà nước đã sử dụng nhiều chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý khác nhau. Trong cơ chế thị trường hàng hóa và dịch vụ là đối tượng kinh doanh khác nhau. Các phương pháp đánh giá được hiệu quả kinh doanh thương mại, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học người học có đủ năng lực thực chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh thương mại. Có khả năng đưa ra được kết luận và dự đoán trước các hành vi ứng xử của các tác nhân trong nền kinh tế. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối phát huy trí tuệ tập thể trong giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phân tích các chính sách, giải pháp phát triển kinh tế.</p>	<p>(2017), <i>Giáo trình Kinh tế thương mại</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trương Đình Chiến (2008), <i>Quản trị kênh phân phối</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
c	151030	<p>Kinh tế môi trường (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phân:</i> Các khái niệm về Môi trường, tài nguyên, phát triển bền vững, ô nhiễm môi trường; Giải pháp kinh tế thị trường cho ô nhiễm tối ưu; Các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá tác động môi trường; Sự khan hiếm các nguồn tài nguyên, nguồn tài nguyên tái sinh và nguồn tài nguyên không tái sinh; Các quy định và nguyên tắc quản lý môi trường.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Từ những hiểu biết cơ bản học phần kinh tế môi trường, người học vận dụng để lý giải được những vấn</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. PGS.TS Nguyễn Thế Chinh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế & quản môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Thanh Thủy (2017), <i>Bài giảng Luật môi trường</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>

			đề trong thực tế đời sống kinh tế - xã hội, làm các bài tập thực hành. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề môi trường đang diễn ra trong thực tế	
33,34	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
a	151040	Kinh tế quốc tế (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái quát về nền kinh tế thế giới, nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế; Thương mại quốc tế và sự di chuyển các nguồn lực quốc tế, đồng thời học phần cũng chứa đựng các nội dung của Thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Nhận biết được các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại; thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, chuyển khẩu, gia công quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích được các tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương; Biết cách KD ngoại hối dựa trên các nghiệp vụ của thị trường và quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Đỗ Đức Bình & Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Tôn Hoàng Thanh Huế, Nguyễn Thị Mai (2020), <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2008), <i>Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>
b	151097	Logistic đại cương (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Cung cấp cho những người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về logistics. Phân tích được nội dung hoạt động logistics từ đó biết cách vận hành hiệu quả hệ thống logistics.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Giáo trình Logistics và những vấn đề cơ bản</i>, NXB Lao Động – Xã Hội</p>

			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học người học có đủ năng lực làm việc cho các doanh nghiệp tổ chức sản xuất hay dịch vụ, tổ chức chính phủ hay phi chính phủ. Các vị trí có thể đảm nhận liên quan đến hoạt động logistics như lập kế hoạch và kiểm soát thu mua nguyên vật tư, quản lý nhà cung ứng, quản lý vật tư và hoạch định tồn kho, thiết kế, quản lý hay vận hành nhà kho, tối ưu hóa nguồn lực hỗ trợ, tối ưu hoá hoạt động vận tải, cung cấp dịch vụ logistics, thiết kế hệ thống thông tin quản lý ...</p>	<p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Đỗ Ngọc Hiền (2017), <i>Giáo trình Quản lý Logistics</i>, NXB ĐH Quốc gia.</p>
c	251051	Lập và phân tích dự án đầu tư (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm về đầu tư, dự án đầu tư, trình tự và nội dung nghiên cứu dự án đầu tư, công tác lập và quản lý dự án đầu tư. Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất, phương án tài chính... Các giải pháp thực hiện. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô vào dự án, khả năng thu xếp vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. Sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhất về các công quản lý dự án đầu tư, biết quản lý tiến độ thời gian của dự án.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn Lập và phân tích dự án người học biết cách lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất... và các giải pháp thực hiện; Dự tính</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>2. Từ Quang Phương (2012), <i>Giáo trình quản lý dự án</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>

			tổng mức đầu tư của dự án; khả năng huy động và cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả XH của dự án.	
Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (21 TC)				
35	154065	Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp; Chiến lược cấp doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh và chiến lược chức năng; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hình thành và sử dụng được các kỹ năng, các công cụ cơ bản trong việc phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược cho một doanh nghiệp cụ thể.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. PGS.TS Ngô Kim Thanh, PGS.TS Lê Văn Tâm (2012), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. PGS.TS Ngô Kim Thanh, PGS.TS Lê Văn Tâm (2011), <i>Bài tập Quản trị chiến lược</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p>2. Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm (2009), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i>, NXB ĐHKTQD</p> <p>3. Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở Trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
36	154110	Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn sản phẩm và công suất; xác định vị trí cho doanh nghiệp; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình sản xuất, quản trị hàng tồn kho trong doanh nghiệp.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Đồng Thị Thanh Phương (2011), <i>Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập)</i>, NXB Lao động Xã hội.</p>

			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học dự báo được khối lượng sản phẩm để sản xuất; chọn đúng loại công suất, công nghệ, máy móc thiết bị; xác định được vị trí đặt doanh nghiệp tối ưu nhất; tổ chức phối hợp các nguồn lực như: lao động, vốn sao cho hiệu quả nhất; lập lịch trình sản xuất, lên kế hoạch mua, bán hàng để có lượng hàng tồn kho là tối ưu nhất.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2016), <i>Quản trị tác nghiệp</i>, NXB ĐHKQTĐ. 2. Trần Đức Lộc (2009), <i>Bài tập QTSX và tác nghiệp</i>, NXB Tài Chính.
37	154082	<p>Quản trị doanh nghiệp 2 (2 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều hành, quản trị doanh nghiệp như phân tích đặc điểm lao động của giám đốc doanh nghiệp, cấp quản trị, lĩnh vực quản trị trong DN, phương pháp điều hành doanh nghiệp theo mục tiêu, theo quá trình và theo kết quả, quản trị nhóm và kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp; thiết lập mô hình kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng rèn luyện thành thạo các kỹ năng cho người học như kỹ năng quản trị, giao tiếp, thuyết trình, làm việc và lãnh đạo nhóm, xử lý thông tin và ra quyết định, lãnh đạo điều hành doanh nghiệp và kỹ năng xây dựng mô hình kinh doanh.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu sâu hơn về quản trị doanh nghiệp, tự tin vận dụng kiến thức trong khởi nghiệp và điều hành doanh nghiệp; Quản trị nhóm làm việc hiệu quả; Thiết lập mục tiêu chiến lược dài hạn và cụ thể hoá các kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp; Xây dựng và thực hiện các phương pháp điều hành doanh nghiệp hiệu quả; Xây dựng và đánh giá mô hình kinh doanh khởi nghiệp khả thi, hiệu quả</p>	<p>Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. PGS. TS Ngô Kim Thanh (2013), <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. O'Reilly (2018), <i>Doanh nghiệp Tinh gọn</i>, NXB Công Thương 2. TS. Lê Quang Hiếu, TS. Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên) (2019), <i>Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp</i>; NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở Trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/

38	154055	Quản trị Marketing (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm về Quản trị Marketing, khái niệm môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, kế hoạch chiến lược Marketing, chiến lược marketing hỗn hợp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nghiên cứu và lựa chọn thị trường mục tiêu thông qua việc định vị sản phẩm và phân tích nhu cầu của người tiêu dùng. Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. PGS.TS Trương Đình Chiến (2014), <i>Quản trị Marketing</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Philip Kotler (2006), <i>Quản trị marketing</i>, NXB Thống kê</p> <p>2. GS.TS Trần Minh Đạo (2013), <i>Giáo trình Marketing căn bản</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
39	154105	Quản trị nhân lực (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tế trong doanh nghiệp về công tác quản trị nhân lực bao gồm: Phân tích công việc, lập kế hoạch nhân sự tuyển dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, bố trí nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá nhân sự thực hiện công việc của người lao động, thù lao lao động và giải quyết các mối quan hệ trong lao động.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi hoàn thành học phần, người học có các kiến thức, kỹ năng, để thực hiện hoạt động xây dựng và quản lý lực lượng lao động trong tổ chức một cách hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đặt ra ở hiện tại cũng như trong tương lai. Người học hình thành tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp; có ý thức tự cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị hiện đại một cách sáng tạo và linh hoạt.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. PGS. TS Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. PGS.TS. Trần Kim Dung (2015), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh</p>

40	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		
a	154070	Quản trị cung ứng (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các khái niệm quản trị chuỗi cung ứng, các quy trình chuỗi cung ứng (Hoạch định và thu mua; Sản xuất và phân phối), ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng, hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần này người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để điều hành hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp; Có khả năng tổ chức thực hiện các chương trình hoạt động cung ứng của doanh nghiệp</p>
b	154056	Quản trị DN thương mại (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> khái niệm thương mại và kinh doanh thương mại trong nền kinh tế quốc dân; các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh thương mại như nghiên cứu thị trường, tạo nguồn mua hàng, dự trữ, bán hàng, xúc tiến bán... Đồng thời học phần cung cấp kiến thức như: quản trị vốn, quản trị lao động, quản trị tài chính... của doanh nghiệp thương mại</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng được kế hoạch nghiên cứu thị trường cho 1 sản phẩm hoặc doanh nghiệp; Quản trị các nghiệp vụ trong doanh nghiệp thương mại; Quản trị vốn, chi phí, quản trị lao động trong doanh nghiệp thương mại một cách hiệu</p>
			<i>Giáo trình chính</i>
			1. PGS. TS Đoàn Thị Hồng Vân (2011), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Thống kê
			<i>Tài liệu tham khảo:</i>
			1. PGS. TS Nguyễn Thanh Hiếu (2015), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân
			2. Vũ Minh Đức, PGS. TS Vũ Huy Thông (2018), <i>Quản trị bán hàng</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân
			<i>Giáo trình chính</i>
			1. PGS, TS Hoàng Minh Đường, TS Nguyễn Thừa Lộc, (2016) <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại</i> , NXB Lao động xã hội
			<i>Tài liệu tham khảo:</i>
			1. Ngô Kim Thanh (2013), <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp</i> , NXB ĐH KTQD

			quả	
c	154099	Thương mại điện tử (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về thương mại điện tử, Cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, An ninh thương mại điện tử, thanh toán trong thương mại điện tử, các phương pháp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh, chiến lược phát triển Website</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng thiết kế và sử dụng một Website thương mại điện tử...phân tích và nhìn nhận vấn đề một cách tư duy sáng tạo, không phiến diện hay theo lối mòn</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. TS. Trần Văn Hòe (2015), <i>Thương mại điện tử căn bản</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2003), <i>Thương mại điện tử</i>, NXB KHKT</p> <p>2. Nguyễn Bách Khoa (2003), <i>Marketing thương mại điện tử</i>, NXB Thống kê</p>
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	152070	Thống kê doanh nghiệp (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của các đơn vị có tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Nội dung thông tin cần thu thập gồm toàn bộ các yếu tố nguồn lực và chi phí để tái sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; thị trường đầu vào và đầu ra của đơn vị. Xây dựng phương pháp tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng phát triển và xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh của các đơn vị.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Nguyễn Công Nhự (2017), <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Trần Thị Kim Thu (2016), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Chu Văn Tuấn (2010), <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính.</p>

			<p><i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên có khả năng tiến hành điều tra, thu thập thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh; Khả năng tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Khả năng lập được bảng cân đối lao động, bảng cân đối tài sản cho doanh nghiệp; Khả năng xác định và phân tích, đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, tổng DT, tổng lợi nhuận, tổng chi phí của doanh nghiệp, từ đó giúp DN xác định đúng đắn năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh để tìm ra giải pháp tốt nhất để hội nhập và chiếm lĩnh thị trường</p>	
b	151099	Dự báo kinh tế (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phân:</i> Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế, kinh doanh như dự báo bằng các mô hình giản đơn, dự báo dựa vào hàm xu thế, dự báo bằng phân tích hồi quy; Bao gồm từ việc thu thập, phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế, kinh doanh đến việc lựa chọn mô hình dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai, từ đó giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh hiệu quả hơn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Xác định được các phương pháp dự báo căn bản sử dụng trong việc phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế, kinh doanh; Vận dụng thành thạo các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc xử lý và thực hiện dự báo dữ liệu như SPSS, Eviews.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Đinh Bá Hùng Anh (2016), <i>Dự báo trong kinh doanh</i>, NXB Kinh tế Thành phố HCM.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Trần Kim Thu (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p>2. Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh (2012), <i>Giáo trình kinh tế lượng</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>

42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	154002	Quản trị kinh doanh quốc tế (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm và vai trò của hoạt động kinh doanh quốc tế, Cơ sở hình thành và đặc trưng của hoạt động kinh doanh quốc tế, Các loại hình kinh doanh quốc tế, các nhân tố bên trong, bên ngoài, môi trường kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế, đàm phán trong kinh doanh quốc tế, liên kết kinh tế khu vực.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, nắm được tầm quan trọng của hoạt động kinh doanh quốc tế trong thị trường toàn cầu hiện nay và hiểu rõ vấn đề văn hóa trong kinh doanh quốc tế; hiểu được môi trường thương mại và đầu tư quốc tế. Hiểu được các chiến lược kinh doanh và cấu trúc tổ chức của công ty đa quốc gia, nghiên cứu được việc quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hương (2016), <i>Giáo trình kinh doanh quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Nguyễn Bách Khoa (2004), <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>, NXB Thống kê</p>
b	154097	Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Môn học này giới thiệu hai nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng: Đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán; các các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến và cách thức và lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng thương mại. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. PGS.TS Hoàng Đức Thân (2012), <i>Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh</i>, NXB KTQĐ</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2. Nguyễn Viết Tý (2018), <i>Giáo trình</i></p>

			phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng tương ứng. <i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học này, sinh viên có khả năng tham gia đàm phán hiệu quả với các đối tác (các tổ chức kinh tế, các cá nhân); có thể soạn thảo, xem xét, kiểm tra các loại hợp đồng dân sự, thương mại thông dụng phát sinh trong hoạt động hằng ngày của doanh nghiệp, tổ chức nơi sinh viên làm việc	<i>luật thương mại (tập 1)</i> , NXB Tư pháp
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	154001	Hành vi người tiêu dùng (2 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần:</i> Trang bị cho sinh viên hệ thống các kiến thức cơ bản về hành vi người tiêu dùng; các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi của người tiêu dùng như văn hóa, giai tầng xã hội, nhóm tham khảo, gia đình, động cơ – cá tính – nhận thức của người tiêu dùng. <i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học sinh viên có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Đánh giá được mức độ và vai trò ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi của người tiêu dùng, phân tích và đưa ra được các giải pháp đáp ứng nhu cầu của khách hàng tốt hơn; tư vấn các giải pháp giúp doanh nghiệp phục vụ khách hàng tốt hơn nữa; Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu chuyên môn	<i>Giáo trình chính:</i> 1. Vũ Huy Thông (2014), <i>Giáo trình hành vi người tiêu dùng</i> , NXB ĐHKQTĐ <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. GS.TS Trần Minh Đạo (2013), <i>Marketing căn bản</i> , NXB Đại học KTQĐ.
b	151049	Marketing kỹ thuật số (2 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần:</i> Các doanh nghiệp hiện nay đang khai thác, vận dụng công nghệ số, không chỉ trong sản xuất mà trong hầu hết tất cả các hoạt động marketing và bán hàng, từ khâu nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, thiết kế bao	<i>Giáo trình chính:</i> 1. Frederick Vallaey (2020), <i>Chiến lược Digital marketing trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo</i> , NXB Lao động.

			<p>gói, tổ chức điểm bán, định giá, cho đến truyền thông cho sản phẩm, xây dựng thương hiệu và phát triển mối quan hệ với khách hàng... Tập trung giới thiệu các kiến thức, kỹ năng và các công cụ cơ bản của việc làm marketing trong nền tảng công nghệ số.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nghiên cứu môi trường marketing kỹ thuật số, các công cụ marketing mix và lựa chọn thị trường mục tiêu thông qua việc định vị sản phẩm và phân tích nhu cầu của người tiêu dùng. Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Hồng Ly (2020), <i>Digital marketing - Trên thông marketing, dưới tường công vụ số</i>, NXB Thế giới</p>
III Kiến thức bổ trợ tự do (8TC)				
44	154012	Kỹ năng mềm (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung về kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân nhà quản trị và kỹ năng tìm kiếm việc làm khi ra trường.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Trang bị cho sinh viên khả năng: Xác định tầm quan trọng của các kỹ năng phát triển cá nhân trong học tập, công việc và cuộc sống; Phân tích và vận dụng các kiến thức cốt lõi để phát triển các kỹ năng cá nhân; Thực hành, luyện tập để cơ bản hình thành các kỹ năng phát triển cá nhân; Nhận thức đúng đắn về nhu cầu rèn luyện các kỹ năng học tập và làm việc thiết yếu, thích ứng với xã hội hiện đại và thực tiễn nghề nghiệp trong tương lai.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Ngô Kim Thanh (2012), <i>Kỹ năng quản trị</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Hoàng Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Lan (2015), <i>Giáo trình Tâm lý học</i>, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh</p> <p>2. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2018), <i>Giáo trình kỹ năng làm việc nhóm</i>, NXB Trẻ</p> <p>3. Hà Nam Khanh Giao (2019), <i>Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh</i>, NXB</p>

				lao động- xã hội
45	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	152017	Kế toán quản trị chi phí (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu vai trò nhiệm vụ kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, Lập dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị trong doanh nghiệp; có khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí và tính được giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp theo nhiều phương pháp khác nhau, nắm được các khái niệm về mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ giữa CP- KL-LN, ứng dụng điểm hòa vốn trong việc ra quyết định; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu, lập định mức và lên dự toán chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Đoàn Xuân Tiên (2009), <i>Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), <i>Kế toán quản trị chi phí</i>, NXB Tài Chính</p>
b	152035	Phân tích hoạt động kinh doanh (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, phương pháp và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Văn Công (2013), <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), <i>Phân tích hoạt động kinh</i></p>

			<p>doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh; có kỹ năng có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Phân tích được các yếu tố sản xuất cũng như mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Vận dụng được các kỹ thuật phân tích để phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.</p>	<p>doanh, NXB Lao động- Xã hội.</p> <p>2. Nguyễn Ngọc Quang (2011), <i>Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB GD Việt Nam.</p>
46	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	151098	Giao tiếp trong kinh doanh (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống như: Khái niệm về giao tiếp, phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, cũng như nghệ thuật thương lượng đối với khách hàng cũng như đối với các đối tượng khác.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm bắt kiến thức và thực hành các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và cuộc sống.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. PGS.TS. Hoàng Văn Hoa, PGS.TS. Trần Thị Vân Hoa (2012), <i>Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. TS. Nguyễn Văn Hùng (2016), <i>Kỹ năng giao tiếp kinh doanh (Tập 1)</i>, NXB Kinh tế TP.HCM.</p> <p>2. TS. Nguyễn Văn Hùng (2017), <i>Kỹ năng giao tiếp kinh doanh (Tập 2)</i>, NXB Kinh tế TP.HCM</p>
b	154003	Văn hóa kinh	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về Văn hoá kinh doanh (triết lý kinh doanh, đạo đức kinh</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. PGS TS Dương Thị Liễu (2012), <i>Giáo</i></p>

		doanh (2 tín chỉ)	doanh, văn hóa doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hóa trong các hoạt động kinh doanh), xu hướng phát triển văn hoá kinh doanh Việt Nam và thế giới. <i>Năng lực đạt được:</i> Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp; xây dựng triết lý, tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp, xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra môn học còn giúp người học làm quen và vận dụng sáng tạo lý thuyết vào giải quyết các tình huống liên quan đến văn hóa kinh doanh và nắm được các kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các hoạt động kinh doanh như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm	<i>trình Văn hóa Kinh doanh</i> , NXB ĐHQG TP. HCM. Tài liệu tham khảo 1. John R. Boatright Ethics and the Conduct of Business (2007), <i>Đạo đức và quản trị kinh doanh</i> , John R. Boatright USA: Prentice Hall. 2. TS. Nguyễn Mạnh Quân (2015), <i>Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
47	Chọn 1 trong 2 học phần			
a	152055	Thuế (2 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần:</i> Tìm hiểu nội dung của những vấn đề cơ bản về thuế, nội dung phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế của các luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như: Luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và luật thuế thu nhập cá nhân. <i>Năng lực đạt được:</i> Người học tính và kê khai được số thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ; số thuế	Tài liệu bắt buộc 1. TS Lê Hoàng Bá Huyền; PGS.TS Nguyễn Thị Bất (đồng chủ biên) (2016), <i>Chính sách và nghiệp vụ Thuế</i> , NXB Lao động Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2014), <i>Giáo trình Thuế</i> , NXB Tài chính 2. Lê Hoàng Bá Huyền (2016), <i>Câu hỏi</i>

			thu nhập cá nhân phải nộp từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh, từ tiền lương, tiền công và một số hoạt động cụ thể khác theo quy định mà cơ sở kinh doanh phải nộp cho cơ quan thuế.	và bài tập thuế, NXB Lao động
b	152065	Thị trường chứng khoán (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về thị trường chứng khoán: bản chất, chức năng, cơ cấu của thị trường chứng khoán, các công cụ và các chủ thể tham gia thị trường, vai trò của thị trường chứng khoán; Tổ chức thị trường và các hoạt động chính trên thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán để đầu tư; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học tham gia đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán; Tính giá trị sổ sách của cổ phiếu dựa trên cơ sở số liệu sổ sách kế toán; Tư vấn cho khách hàng tham gia thị trường chứng khoán; Tư vấn cho công ty nên phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng; Xác định giá khớp lệnh của cổ phiếu dựa vào các lệnh đặt ở phiên khớp lệnh định kỳ; Xác định khối lượng giao dịch của phiên khớp lệnh định kỳ</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. PGS.TS Lê Hoàng Nga (2020), <i>Thị trường chứng khoán</i>, NXB Tài chính.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Bạch Đức Hiền (2008), <i>Giáo trình Thị trường chứng khoán</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Hoàng Văn Quỳnh (2008), <i>Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán</i>, NXB tài chính.</p>
IV	Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp (học phần thay thế khóa luận TN) 11TC			
48	152085	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp phù hợp với chuyên ngành QTKD</p>	<p>Tài liệu 1: Giáo trình liên quan đến chuyên đề nghiên cứu</p> <p>Tài liệu 2: Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu</p>

			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để phân tích đánh giá các vấn đề về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp, tổ chức từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn và cơ sở thực tập đánh giá.</p>	<p>Tài liệu 3: Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở Trường Đại học Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
49	152054	Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng kiến thức tự phân tích đánh giá các vấn đề về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp, tổ chức từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá.</p>	<p>Tài liệu 1: Giáo trình liên quan đến chuyên đề nghiên cứu Tài liệu 2: Quy định viết khóa luận Tài liệu 3: Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu Tài liệu 4: Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở Trường Đại học Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
49	<i>Học phần thay thế KLTN</i>			
a	154060	Quản trị bán hàng (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kỹ năng bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, phương pháp quản trị lực lượng bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức, kỹ năng cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản trị bán hàng hiệu quả.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham</p>	<p>Giáo trình chính 1. Vũ Minh Đức; PGS. Vũ Huy Thông (2018), <i>Quản trị bán hàng</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo 1. Quang Minh (2015), <i>Quản trị kinh doanh và các kỹ năng bán hàng hiệu quả tập 1</i>, NXB Lao động</p>

			quan thực tế hoạt động bán hàng và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề	
b	154040	Quản lý chất lượng (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về quản lý chất lượng như kiến thức về khách hàng và sự hài lòng khách hàng, sản phẩm và dịch vụ, kiểm tra và kiểm soát chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng và các bước áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong các doanh nghiệp, tổ chức; hiểu bản chất của các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và cách thức áp dụng các công cụ này trong việc kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp, tổ chức.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong môn học, sinh viên có đủ khả năng để thực hiện các công việc như: đánh giá được thực trạng hoạt động quản lý của các doanh nghiệp đang diễn ra như thế nào, tư vấn và xây dựng quy trình áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cho doanh nghiệp, đồng thời tư vấn các giải pháp giúp doanh nghiệp cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. GS.TS Nguyễn Đình Phan, TS. Đặng Ngọc Sự (2012), <i>Giáo trình Quản trị chất lượng</i>; NXB Trường Đại học Kinh tế Quốc dân,</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. TS. Đỗ Thị Đông (2013), <i>Bài tập QT chất lượng</i>, NXB Kinh tế Quốc dân.</p> <p>2. Tham khảo các tài liệu về quản trị chất lượng trên thư viện và học liệu mở Trường Đại học Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
Tổng: 124 tín chỉ				

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Kỳ 1: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 3: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 4: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 6: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 7: gồm 06 học phần, 13 tín chỉ; kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ.

Mã học phần	Tên Học phần	Tín chỉ	Giờ tín chỉ			
			Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành/ thực tế	Tự học
Học kỳ 1						
196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135
121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	18	6	90
133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180
114025	Toán cao cấp	2	18	24	-	90
154090	Quản trị học	3	27	27	9	135
173080	Tin học	2	10	0	40	90
191004	Giáo dục thể chất 1	2	10	0	40	
Tổng số tín chỉ		16				
Học kỳ 2						
196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90
133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135
114005	Xác suất thống kê	3	27	36	-	135
151050	Kinh tế vi mô	3	27	36	-	135
254026	Marketing căn bản	2	18	18	6	90
153105	Nguyên lý kế toán	3	27	27	9	135
Chọn 1 trong 3						
123340	Môi trường và con người	2	18	18	6	90
196025	Logic học đại cương	2	18	12	12	90
281005	Tâm lý trong quản lý kinh doanh	2	18	18	6	90
	Giáo dục thể chất 2	2				
Tổng số tín chỉ		18				
Học kỳ 3						
196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90
197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90
133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135
151061	Kinh tế vĩ mô	3	27	36	-	135

152048	Nguyên lý thống kê	2	18	24	-	90
152140	Tài chính tiền tệ	3	27	36	-	135
Chọn 1 trong 3						
125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	18	24	-	90
151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	18	24	-	90
196030	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	18	24	-	90
Tổng số tín chỉ		17				
Học kỳ 4						
198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18		90
197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90
151090	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	3	27	36	-	135
154012	Kỹ năng mềm	3	27	21	15	135
197010	Luật kinh tế	2	18	24	-	90
154081	Quản trị doanh nghiệp 1	2	18	19	5	90
151020	Kinh tế lượng	2	18	18	6	90
Tổng số tín chỉ		16				
Học kỳ 5						
156012	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD	2	18	24	-	90
153080	Kế toán tài chính 1	4	36	36	12	180
Chọn 1 trong 3						
154099	Thương mại điện tử	2	18	18	6	90
154070	Quản trị cung ứng	2	18	18	6	90
154112	Quản trị DN thương mại	2	18	18	6	90
Chọn 2 trong 3 học phần						
151065	Kinh tế đầu tư	2	18	24	-	90
151041	Kinh tế thương mại	2	18	24	-	90
151030	Kinh tế môi trường	2	18	24	-	90
Chọn 1 trong 2						
152070	Thống kê doanh nghiệp	2	18	24	-	90
151099	Dự báo kinh tế	2	18	24	-	90
154055	Quản trị Marketing	3	27	27	9	135
Tổng số tín chỉ		17				
Học kỳ 6						
154015	Khởi sự kinh doanh	2	18	18	6	90

152045	Quản trị tài chính DN1	3	27	36	-	135
154111	Quản trị doanh nghiệp 2	2	18	18	6	90
154105	Quản trị nhân lực	3	27	30	6	135
Chọn 1 trong 2 học phần						
154002	Quản trị KD quốc tế	2	18	18	6	90
154097	Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại	2	18	18	6	90
Chọn 2 trong 3 học phần						
151040	Kinh tế quốc tế	2	18	24	-	90
151097	Logistics đại cương	2	18	24	-	90
251051	Lập và PTDA đầu tư	2	18	24	-	90
Tổng số tín chỉ		16				
Học kỳ 7						
154065	Quản trị chiến lược	3	27	27	9	135
154110	Quản trị sản xuất	2	18	18	6	90
152035	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	18	18	6	90
Chọn 1 trong 2 học phần						
154001	Hành vi người tiêu dùng	2	18	18	6	90
151049	Marketing kỹ thuật số (digital marketing)	2	18	18	6	90
Chọn 1 trong 2 học phần						
151098	Giao tiếp trong kinh doanh	2	18	18	6	90
154003	Văn hoá kinh doanh	2	18	18	6	90
Chọn 1 trong 2 học phần						
152055	Thuế	2	18	18	6	90
152065	Thị trường chứng khoán	2	18	18	6	90
Tổng số tín chỉ		13				
Học kỳ 8						
152085	Thực tập tốt nghiệp	5	-	-	150	225
152054	Khóa luận tốt nghiệp	6	-	180	-	270
Học phần thay thế KLTN						
154060	Quản trị bán hàng	3	27	27	9	135
154040	Quản lý chất lượng	3	27	27	9	135
Tổng số tín chỉ		11				
TỔNG		124				

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Mục tiêu	Chuẩn năng lực đầu ra																
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
Triết học Mác-Lênin	M																
Kinh tế CT Mác-Lênin	M																
Chủ nghĩa XH khoa học	R																
Lịch sử đảng CS Việt Nam	M																
Tư tưởng HCM	M														R		M
Pháp luật đại cương	R														M	R	
PP NCKH CN KT và QTKD						R											
Cơ sở văn hoá Việt Nam									R								I
Môi trường và con người						R			R								
Logic học đại cương									R					M			
Tâm lý trong QLKD		R							M			R					
Địa lý kinh tế Việt Nam						R	R		R								
Lịch sử kinh tế quốc dân						R											
Lịch sử học thuyết KT	R					R											
Tiếng Anh 1										I							
Tiếng Anh 2										R							
Tiếng Anh 3										M		R					
Toán cao cấp									R								
Xác suất thống kê									R								
Tin học											M						
LT mô hình toán kinh tế									R								
Giáo dục thể chất																	R
Giáo dục quốc phòng																R	R
Kinh tế vi mô				M		R	R										

Kinh tế vĩ mô				M		R	R										
Nguyên lý thống kê																	
Nguyên lý kế toán								M			R						
Tài chính tiền tệ								R									
Marketing căn bản		R		M			R							R			
Luật kinh tế	M								M						M		
Khởi sự kinh doanh		R		R	R	R	M							M		R	
Quản trị doanh nghiệp 1		R	R		M	M	M	R			R			R			
Quản trị tài chính DN 1		R	R					M									
Kinh tế lượng				R							M						
Kế toán tài chính 1							R	M									
Quản trị học		R	R		M	M	R						R				
Kinh tế đầu tư				R													
Kinh tế thương mại				R													
Kinh tế môi trường				R													
Kinh tế quốc tế				R													
Logistics đại cương				M													
Lập và PT dự án đầu tư				R				M									
Quản trị chiến lược		M	M		M		M										
Quản trị sản xuất		R	M														
Quản trị doanh nghiệp 2		M	M		M	M	R				R			R			
Quản trị Marketing		R	M														
Quản trị nhân lực		R	M										R			R	I
Quản trị cung ứng		R	M	M													
Quản trị DN thương mại		R	M		M												
Thống kê doanh nghiệp				R		I	R										
Dự báo kinh tế		R		R		I	R				R						
Thương mại điện tử				R		R					R			R			
Kỹ năng ĐP & KKHĐTM				R		R						M					

Hành vi người tiêu dùng			M						R			R	R				
Marketing kỹ thuật số				R													
Quản trị KD quốc tế			R	M													
Kỹ năng mềm					R							R	M				R
Phân tích hoạt động KD		R	R			R		R									
Giao tiếp trong kinh doanh					R						R	M					
Văn hóa kinh doanh					R		R		R		R	R	R	R	M		I
Thuế								M			R				I		
Thị trường chứng khoán				R				R			R						
Thực tập tốt nghiệp		R	R	R	M	R	I	R	R		R	R			I	R	R
Khóa luận tốt nghiệp		M	M	R	M	M	I	R	R		R	M		R	I	R	R
Quản trị bán hàng			R	R	R							R					
Quản lý chất lượng			R		R												R

Ghi chú:

Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0/- Không đóng góp; (I) - Đóng góp thấp; (R) - Đóng góp trung bình; (M) - Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 8 năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

**KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRƯỞNG KHOA**

TS. Lê Quang Hiếu